

# Chữ Nôm và Tinh thần dân tộc

Nguyễn Hữu Vinh

## Tóm lược

Trong lịch sử, việc dùng chữ Hán chính thức trong tầng lớp cai trị đất nước là điều dễ hiểu, nhưng chữ Hán là thứ chữ ngoại lai, nên sự hình thành, phát triển và sử dụng chữ Nôm như là một loại chữ viết thích hợp hơn cho dân tộc là một điều không thể thiếu và bức thiết. Chữ Nôm hình thành từ lúc nào còn đang là đề tài nghiên cứu, nhưng không ai phủ nhận được rằng chữ Nôm đã đơm hoa kết trái bắt đầu từ thời đại nhà Trần huy hoàng trong lịch sử ở thế kỷ thứ 13. Chữ Nôm và sự phát triển các tác phẩm Nôm biểu hiện rõ rệt sự lớn mạnh về ý thức tinh thần quốc gia dân tộc. Ý thức này không tùy thuộc vào sự biến đổi của vương triều vua chúa. Dù triều đại đổi thay nhưng nền văn học chữ Nôm vẫn lớn mạnh theo ý thức tinh thần quốc gia dân tộc. Qua một thời gian rất dài trong lịch sử chữ Nôm, dù chính là phương tiện cần thiết của các tầng lớp nhân dân trong xã hội ta, chữ Nôm chỉ lưu hành rộng rãi trong dân gian, nhưng chưa được điển chế để trở thành chữ viết chính thức của quốc gia. Rõ ràng sau mỗi lần đương đầu với ngoại xâm thì chữ Nôm lại phát triển mạnh. Sau khi đánh đuổi được quân Minh thì nền văn học Nôm cũng lớn mạnh thêm lên, điển hình là Nguyễn Trãi với *Quốc Âm Thi Tập*. Sau khi nhà Thanh bị đánh bại, thì chữ Nôm lại được trọng dụng vào thời Tây Sơn. Trong thời gian dài không có ngoại xâm thì chữ Nôm là phương tiện truyền đạt tình cảm, và sinh hoạt làng xã. Với ý thức hệ “phép vua thua lệ làng” thì dù tầng lớp vua chúa có ép buộc chằng nữa, như chúa Trịnh đã có lần cấm đoán, thì chữ Nôm vẫn có môi trường bành trướng mạnh mẽ. Ý thức quốc gia cũng thấy rõ rệt trong việc cải tiến chữ Nôm qua suốt thời kỳ từ Trần cho đến thời Nguyễn. Vào thời Trần và các thời đại về sau như Lê sơ, Mạc thì chữ Nôm vẫn còn dùng rất nhiều chữ giả tá, nghĩa là chữ Nôm mượn hình dáng chữ Hán có sẵn để ghi âm Nôm, nhưng đến thời sau này thì số lượng chữ Nôm giả tá giảm nhiều trong lúc loại chữ Nôm hình thanh, là loại chữ có một không hai của Việt Nam thì cứ tăng dần rõ rệt. Nhìn từ phía cấu trúc chữ Nôm, những phép cấu tạo chữ của chữ Nôm đã vượt qua khỏi phép Lục thư của chữ Hán, đã nói lên sự cố gắng tạo chữ đặc thù khác với phương pháp dùng cho chữ Hán, mang một tinh thần dân tộc riêng chứ không nhất nhất đều phải rập theo khuôn khổ chữ Hán. Với bối cảnh lịch sử mới vào đầu thế kỷ 20, chữ Nôm lùi bước nhường cho chữ Quốc ngữ. Vì tính cách dễ học, dễ nhớ, so với chữ Nôm khó học, khó nhớ nên dễ dàng được chấp nhận. Trong quan niệm thông thường, đó không phải là hai loại chữ Pháp và chữ Hán ngoại lai, lại là phương tiện nhanh chóng để nâng cao dân trí, cho nên sự việc chữ Nôm tàn lụi cũng phù hợp với tinh thần dân tộc. Qua đầu thế kỷ 21, với kỹ thuật máy tính mới, chữ Quốc ngữ và chữ Nôm đều được dần dà đưa lên xử lý và hiển thị được trên máy tính. Việc bảo tồn và phát huy tinh thần dân tộc tiềm tàng trong di sản Nôm sẽ có cơ hội phát triển nhanh chóng. Đây là môi trường thích hợp và là cơ hội tốt cho những ai có lòng hoài bão đến di sản quý báu và đang dần dà bị vùi lấp này.

## Chữ Hán, chữ Nôm

Từ thế kỷ thứ 7 sau Công Nguyên và cho đến khoảng thế kỷ thứ 10, chữ Hán thâm nhập vào hoạt động văn hóa, tinh thần của người Việt nhờ vào một hoàn cảnh đặc biệt đó là sự truyền bá đạo Phật. Có thể nói, vì do việc hấp thụ giáo lý đạo Phật nên việc học tập chữ Hán trong giai đoạn này là điều cần thiết. Đến thế kỷ thứ 10 về sau, khi Nho giáo truyền vào Việt Nam, nếu như trong giai đoạn trước việc học tập chữ Hán chủ yếu dùng để hiểu biết giáo lý, tra cứu kinh điển của đạo Phật thì sau này việc học tập chữ Hán trở thành một nhu cầu chính thống và rộng rãi, không những chỉ dùng để ghi chép các công việc quản lý hành chính mà nó còn có vai trò quan trọng trong hệ thống thi cử nho học xưa kia. Sự kiện quan trọng trong quá trình du nhập của Nho giáo đó là việc được ghi trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư "*Năm Canh Tuất, niên hiệu Thuận Vũ thứ hai năm 1070 đời Lý Thánh Tông, mùa thu tháng tám cho xây Văn Miếu, dựng tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng 72 người hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây*". Việc cho xây dựng Văn Miếu đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sử dụng chữ Hán. Từ đó, chữ Hán đã trở thành chữ viết chính thức trong gần 1000 năm, kể từ năm 1075 sau khi vua Lý Nhân Tông cho mở khoa thi Nho học đầu tiên, cho đến năm 1919 là năm mở khoa thi cuối cùng ở Huế.

Việc dùng chữ Hán chính thức trong tầng lớp cai trị đất nước là điều dễ

hiểu, nhưng chữ Hán là 1 loại chữ ngoại lai, không thích hợp với đại đa số dân chúng dùng để biểu đạt ý tưởng trong cuộc sống thường ngày. Ngay cả trong cung đình, nơi tập trung các quan lại văn hay chữ tốt, chữ Hán là công cụ chính thức để truyền đạt tư tưởng, nhưng cũng không phải là không gặp trở ngại. Sự việc vua Trần Nhân Tông dùng quan Hành Khiển để dịch những lời truyền dụ của vua quan cho dân chúng thì rõ. Sau khi đại thắng quân Nguyên, vua Trần Nhân Tông tuyên cáo cho dân chúng biết, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi rằng ... *Lệ cũ, mỗi khi tuyên đọc lời vua, thì viện Hàn lâm lĩnh đưa bản thảo tờ chiếu cho quan Hành Khiển để giảng tập trước. Đến khi tuyên đọc, thì giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu...*

Sau này, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) trong "Tế cấp bát điều", có nêu rõ sự bất tiện của chữ Hán và đề nghị dùng chữ Nôm như chữ chính thức. Gần hơn nữa, Tuy Lý Vương, một nhà Hán học, văn hay chữ tốt, nhưng cũng ý thức được sự tiện lợi trong việc truyền đạt tư tưởng bằng chữ Nôm cho quần chúng nên đã viết "Nữ Phạm Diển Nghĩa Từ" bằng chữ Nôm. Cũng như Hường Nhung, con của Tuy Lý Vương đã viết "Việt Sử Tứ Tục Ca", tóm tắt sử Việt bằng chữ Nôm với lời văn đơn giản để cho con cháu hiểu biết được một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Chính vì chữ Hán là thứ chữ ngoại lai, nên sự hình thành, phát triển và sử

dụng một loại chữ viết thích hợp hơn cho dân tộc là một điều không thể thiếu và bức thiết. Do vậy chữ Nôm

xuất hiện song song với sự phát triển việc dùng chữ Hán.

### **Tinh Thần dân tộc thúc đẩy chữ Nôm ra đời**

Chữ Nôm là một sáng tạo rất có ý nghĩa của tổ tiên cha ông ta. Sự xuất hiện của chữ Nôm là một sự kiện lớn đánh dấu sự tiến triển của nền văn hóa của dân tộc trong gần 2000 năm qua. Sự hình thành của chữ Nôm có thể do sự bức bách cần thiết trong việc giáo hóa dân chúng ở vào thời đại xa xưa, Văn Đa cư sĩ (1) cho rằng Nhâm Diên đã dùng chữ Nôm trong công việc giáo hóa quần chúng. Càng về sau, mỗi lần đất nước bị kẻ thù phương Bắc xâm lược thì trong những thời kỳ đó, chữ Nôm lại đóng vai trò tích cực hơn trong việc chống trả ngoại xâm và xây dựng đất nước. Có người căn cứ trên hai chữ Bồ Cái cho rằng chữ Nôm có từ thời Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng. Có người căn cứ trên ba chữ Đại Cồ Việt để cho rằng Nôm có từ thời Đinh Tiên Hoàng. Đào Duy Anh cho rằng chữ Nôm có thể hình thành ngay vào lúc họ Khúc dấy nghiệp (8), rồi dần dà phát triển mạnh ở các thời đại về sau. Cho đến hôm nay, nguồn gốc và diễn biến của chữ Nôm vẫn là chuyện tồn nghi.

Keng Hui Ling (17) cho rằng từ đời Tần cho tới thời trước khi loạn 12 sứ quân thì xã hội Việt Nam thời đó nằm trong khuôn khổ chính trị, tập quán, văn hóa của Trung Quốc. Những khởi nghĩa chống lại Trung quốc cũng chỉ lẻ

tẻ. Các phần tử trung kiên của xã hội vẫn một lòng chấp nhận văn hóa, tập quán, phong tục của Trung Quốc, nhưng đến thời Ngũ Đại với loạn 12 sứ quân thì sự việc đã bắt đầu đổi khác. Sự khống chế từ phương Bắc yếu dần thì các thế lực địa phương bắt đầu lớn mạnh. Tuy nhiên, sự phân ly giữa các thế lực này đối với phương Bắc cũng chỉ nằm trong vòng tranh dành quyền thế ở địa phương chứ chưa chính thức có ý thức tinh thần dân tộc và ý thức quốc gia rõ rệt. Đợi khi tới đời Đinh, Lý thì mới thực sự hình thành khái niệm ý thức quốc gia. Việc định đặt quan chế, xây dựng kinh đô vào thời nhà Lý đã tăng mạnh thêm ý thức quốc gia. Đạo Phật lớn mạnh vào thời Lý làm cho ý thức này lan rộng vào cả toàn dân. Cuối cùng, đời Trần thừa hưởng di sản đó, ý thức quốc gia bắt đầu vững mạnh thêm. Đây chính là lúc đất nước xây dựng tất cả mọi mặt. Song song với sự tiến triển của xã hội Việt Nam do sự tiếp thu và sử dụng chữ Hán trong tầng lớp quan lại thì chữ Nôm đóng vai trò truyền đạt văn hóa trong dân gian một cách hữu hiệu và xác thực hơn. Cheng Chin Ho (6) cho rằng chữ Nôm chỉ có thể được hình thành vào khoảng thời gian khi đất nước thoát khỏi ách thống trị của phương Bắc. Năm 1975, Đào Duy Anh phát

hiện ra chứng cứ xưa nhất về chữ Nôm được sử dụng đó là việc tìm thấy vết tích của tấm bia của vua Lý Cao Tông (8). Đây là một chứng cứ xác đáng nhất chứng minh việc chữ Nôm ảnh hưởng rõ rệt vào đời sống trong dân gian. Rồi sau đó phát triển khá vững vàng vào thế kỷ 13, điển hình là có các bài phú chữ Nôm của Trần Nhân Tông còn để lại như là Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca", "Cư Trần Lạc Đạo Phú" và "Vịnh Vân Yên Tự Phú" trong bản in "Thiền Tông Bản Hạnh". Năm 1932, Văn Hựu (5), nhà nghiên cứu chữ Nôm nổi tiếng ở Trung quốc cho rằng chữ Nôm chỉ có thể phát triển một cách hoàn hảo sau khi hệ thống loại chữ Khải của chữ Hán ra đời, chính là vào khoảng thời gian trong triều đại Lý, Trần của Việt Nam. Nguyễn Tài Cẩn (10) dưới mắt ngữ âm học lịch sử nhìn sự liên quan giữa vần và thanh điệu của âm Hán Việt với âm Nôm kết luận rằng "Loại chữ Nôm hiện

*có là là một loại chữ không thể nào hình thành đồng thời hay sớm hơn thời Sĩ Nhiếp. Chỉ từ thế kỷ 8, 9 trở đi, nghĩa là sau khi hệ thống phát âm Đường, Tống ghi trong Thiết Vận, Quảng vận đã các lập được ở Việt Nam (hệ thống này về sau sẽ diễn biến dần và chuyển thành cách đọc Hán Việt hiện nay) thì loại Nôm mà chúng ta hiện thấy mới thực sự có đầy đủ tiền đề cần thiết để xuất hiện".* Bửu Cầm 1960 (7) cho rằng chữ Nôm có thể hình thành trong khoảng thế kỷ thứ 8 đến thứ 10, thời kỳ mà xã hội Việt nam đang manh nha tư tưởng và hành động đấu tranh dành độc lập. Bửu Cầm nhấn mạnh rằng "chữ Nôm xuất hiện sau thời Sĩ Nhiếp và phát triển mạnh mẽ vào thời Trần". Dù vấn đề chữ Nôm hình thành từ lúc nào còn đang là đề tài nghiên cứu, nhưng không ai phủ nhận được rằng chữ Nôm đã đơm hoa kết trái bắt đầu từ thời đại nhà Trần ở thế kỷ thứ 13.

### **Tinh Thần dân tộc nhìn từ phía cấu trúc của chữ Nôm**

Từ khi vấn đề chữ Nôm được Cheon đưa ra nghiên cứu vào năm 1905 (5) cho đến đầu thập niên 70, những nhà nghiên cứu nổi tiếng như Dương Quảng Hàm, Hoàng Xuân Hãn, Vương Lực, Chen Ching Ho, Văn Hựu, Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, Bửu Cầm, Vũ Văn kính v.v đều cho rằng chữ Nôm đã sử dụng 3 phương pháp tạo chữ trong 6 phương pháp (Lục Thư) tạo chữ của chữ Hán, đó là ba phép Giả tá, Hình thanh và Hội ý. Chen Chin Ho năm 1949 (6) cũng đã phân loại cấu trúc

chữ Nôm theo ba loại là Giả tá, Hình thanh và Hội ý. Trong đó Chen cho rằng có ba loại Giả tá, hai loại Hình thanh và đưa ra năm chữ Hội ý. Trước đó, Dương Quảng Hàm (3) năm 1942 cho rằng có năm loại Giả tá, hai loại Hình thanh và đưa ra một chữ Hội ý. Sau này, Đào Duy Anh (8) năm 1975 giải thích chi tiết hơn năm loại Giả tá, hai loại Hình thanh và chỉ đưa ra sáu chữ Hội ý. Các cách phân chia trên có thể nói là đã bao gồm hầu hết các loại chữ Nôm. Tuy nhiên trên thực tế, còn

có nhiều loại chữ Nôm có cách cấu trúc đặc biệt thì cả ba phép tạo chữ này đòi hỏi linh động hơn khi giải thích sự cấu tạo của chữ. Ví dụ như loại chữ Nôm mà các thành tố của chữ đều mang tính cách biểu âm như Sãi 駘, Ba 𪗇, v.v Ngoài ra, còn có rất nhiều loại chữ Nôm đặc biệt như loại mang âm Việt cổ, hoặc chữ bị viết giản nét hoặc dùng một chữ Nôm khác làm thành tố biểu âm thì ba phương pháp này hơi gặp lúng túng trong sự giải thích sự cấu tạo chữ. Chữ Nôm trong thời kỳ mới phát triển, phép giả tá được sử dụng rất nhiều, phép hình thanh thì càng về sau này càng được sử dụng rộng rãi. Theo Chen Ching Ho (6) thì tỷ lệ chữ Hội ý chỉ chiếm khoảng 2% mà thôi.

Sau thập niên 70, các nhà nghiên cứu Nôm nhận thấy những mô hình cấu tạo chữ Nôm thời trước đã nêu vẫn chưa được hoàn hảo để giải thích nhiều trường hợp đặc biệt, nên đã đi sâu hơn như là tìm hiểu sự liên quan giữa âm Nôm của toàn chữ với âm Hán Việt của thành tố biểu thị âm đọc, hay là dựa trên những phương pháp ngữ âm học lịch sử, hoặc là chia chữ Nôm ra thành loại “có âm đọc” và “không có âm đọc”. Trước hết, Nguyễn Tài Cẩn (10) năm 1976, đưa ra mô hình cấu trúc chia chữ Nôm ra bảy loại dựa trên căn bản chữ “mượn Hán” (A, B, C) gồm chữ Hán Việt, gốc Hán Việt, viết tắt, giả tá và loại chữ “Sáng tạo” (D, E, F, G) trong đó gồm chữ hình thanh, hội ý, viết tắt, dấu nháy và âm Việt cổ. Công trình nghiên cứu

và mô hình của Nguyễn Tài Cẩn dẫn đến các công trình nghiên cứu khác sau này với những lối nhìn khác hơn và chi tiết hơn. Lê Văn Quán (2) năm 1981 đưa ra mô hình giải thích mới trong đó chữ Nôm được chia ra thành 14 loại, 6 loại đầu (A, B, C, D, E, F) thuộc nhóm chữ dựa trên chữ Hán hiện có, còn 8 loại sau (G, H, I, K, L, M, N) thuộc nhóm chữ “Sáng tạo” gồm chữ hình thanh, hội ý, viết tắt, dấu nháy và âm Việt cổ. Sau này Nguyễn Ngọc San (2) năm 1988 dựa vào âm đọc chia chữ Nôm ra 14 loại trong đó chỉ có 4 loại là trực tiếp mượn âm Hán Việt. Với ba mô hình giải thích cấu tạo chữ Nôm của ba học giả nói trên cho thấy sự đa dạng của cấu trúc chữ Nôm không những chỉ đơn thuần gồm ba loại Giả tá, Hình thanh và Hội ý căn bản thường thấy mà còn nhiều loại chữ có cấu trúc đặc biệt, nói lên sự đa dạng và phong phú của âm Nôm hơn âm tiếng Hán. Để nói lên tính cách đặc biệt khác hẳn với phương cách tạo chữ của chữ Hán, chúng ta thử xem những loại chữ đặc biệt sau đây.

### 1. Chữ Nôm có dấu nháy

Là loại chữ Nôm sử dụng những ký hiệu đặc biệt như là nháy cá 𠂇, dấu < v.v. Những ký hiệu này lưu ý người đọc phải đọc âm Nôm hơi khác với âm của chữ Hán. Ví dụ:

Chữ **Tóc**.

- 𪗇堯事變饒平𪗇、茹兀官清冷女𪗇。 Thời nghèo sự biến nhiều bằng **tóc**, Nhà ngật quan thanh lạnh nửa đèn (Quốc Âm Thi Tập, PKNB, 1868, b. 46, c. 5-6).

## 2. Chữ Nôm âm Việt cổ

Là loại chữ Nôm sử dụng những chữ Hán như 巴, 巨, 車, 一, 多, 司 v.v để ghi âm tiếng Việt cổ. Ví dụ:

### Chữ **Trăng**

- 叠羨簾台箒括、曼拱鞞矯焮  
拈。 Gió tận rèm thay chổi quét,  
**Trăng** kê cửa kéo đèn khêu (Quốc Âm Thi Tập, 1868, b. 67, c. 3-4).

### Chữ **Trước**

- 幽啣蟬月涳輶屋、戔行蕉臉洩外  
軒。 Và tiếng dế nguyệt rơi **trước**  
chái, Một hàng tiêu gió rải ngoài hiên  
(Chinh Phụ, CTĐ, 1815, c. 221-222).

### Chữ **Lời**

- 裊空杏實如例 時些仕喏昌眉移朱  
當。 Nếu không có thật như **lời** thì ta  
sẽ nhai xương mày đi cho đáng.  
(Chuyện Đời Xưa, ADM, 1888, t.16).

## 3. Chữ giả tá Nôm

Là loại chữ Nôm được cấu tạo bởi một chữ Nôm khác cùng âm hay tương tự, song ý nghĩa của nó khác hẳn với ý nghĩa với chữ Nôm mượn làm chữ biểu âm. Loại này tương tự loại chữ giả tá Dương Quảng Hàm hay Trần Văn Giáp nêu ra, chỉ khác là loại đó dùng chữ Hán để biểu thị âm đọc, còn loại này thì sử dụng chữ Nôm làm chữ biểu thị âm đọc. Ví dụ chữ Non thường dùng để chỉ Núi non, song ở đây lại được dùng để chỉ Non nớt. Cùng một loại như Non, còn có khá nhiều ví dụ

khác như “Đền (mã Unicode=U+212b0) đài” với “Đền bù”, “Sang (U+22028) giàu” với “Sang sông”, “đông Đúc” (U+28bf9) với “Đúc nôi”, “Chín (U+200e9) mười” với “sống Chín” v.v. Ví dụ:

Chữ **Non**. (Trong thí dụ 2, Non là giả tá Nôm)

- 基图渚及闾芒、嫩秦滝越紛塘合  
散。 Cơ đồ chưa kịp mở mang, **Non**  
Tàn sông Việt chia đàng hợp tan (Cai Vàng, 1919, c. 189-190).

- 茹英固齟齬篙、沒坡於舛夕鞞朱  
連、悶連辰破坡移、穉嫩概齟夕  
之極連。 Nhà anh có ruộng năm sào,  
Một bờ ở giữa làm sao cho liền, Muốn  
liền thì phá bờ đi, Mạ **non** cấy xuống  
làm chi chẳng liền (Thanh Hóa Quan Phong, Liễu Văn Đường, 1903, t. 21a).

Chữ **Sang** (Trong thí dụ 2, Sang là giả tá Nôm)

- 猿隊頭巾誇畝、坦溪遄崢嶸重冲  
豁。 Vượn đội đầu khăn khoe mình,  
Đất nổi trên ghènh **sang** trọng trong  
hang (Thiên Nam Ngữ Lục, xxx, XIX, c.  
7945-7946).

- 悶鬣辰北求橋、悶琨能舒辰腰褻  
柴。 Muốn **sang** thì bắt cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy  
(Nam Phong Giải Trào, Liễu Văn Đường, 1910, t. 22b).



mê, nói lên sự cố gắng cải tiến chữ Nôm cho thích hợp với hoàn cảnh hơn, góp phần tạo dựng chữ Nôm là 1 loại chữ riêng cho dân Việt.

Một đặc điểm khác của chữ Nôm chúng ta cần để ý tới là vị trí của bộ thủ hay là phần biểu nghĩa đối với phần biểu âm của chữ. Dù chữ Nôm hoặc là mượn chữ Hán hoặc là chữ Nôm sáng tạo cùng một dạng với chữ Hán thì vị trí của các thành phần nói trên không nhất thiết phải đúng y như là chữ Hán mà hoàn toàn tự do tùy theo ý của người viết, cho thấy sự cấu tạo chữ Nôm tự do hơn chữ Hán. Xem một vài trường hợp dưới đây chứng minh điều đó, ví dụ:

Chữ Chém có phần biểu nghĩa nằm bên phải thành phần biểu âm.

- 巴輔鎮守畱屯、駟峯更店最存攸官、刼柳我棋遠岬、旺啞甘苦樊離共埃。 Ba năm trấn thủ lưu đồn, Ngày thì canh điểm tối dồn việc quan, **Chém** tre ngã gỗ trên ngàn, Uống ăn cam khổ phàn nàn cùng ai (Thanh Hóa

### Tinh Thần dân tộc nhìn từ phía phát triển và sử dụng chữ Nôm

Trần Văn Giáp (13) sau khi phân tích nhiều khía cạnh của chữ Nôm đã đi đến kết luận rằng “chữ Nôm đã lưu hành rộng rãi trên đất nước ta cả ngàn năm nay, từ biên giới Trung Hoa cho đến Hà Tiên đã nêu rõ quá trình lịch sử của chữ Nôm. Nó đã phản ánh được sự phát triển thống nhất của ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc, chứng minh rõ ràng Việt Nam từ Nam chí Bắc, dân

Quan Phong, Liễu Văn Đường, 1903, tờ. 24a).

Chữ Chém có phần biểu nghĩa nằm bên trái thành phần biểu âm.

- 卞貼裊頭仁宝枷蓬 Bèn **ché**m lấy đầu Nhân Bảo giơ lên (Thiên Nam Ngũ Lục, câu 4266).

Chữ Chém có phần biểu nghĩa nằm bên dưới thành phần biểu âm 勇 .

Chữ Chém có bộ thủ vị trí và hình dáng giống y như của chữ Hán.

- 作柴細啞笈命囉弄刼移朱年底網竈吏襍柴。 Sợ thầy tới nói tên mình ra vua **ché**m đi, cho nên để vớng xuống lại lạy thầy (Chuyện Đồi Xưa, ADM, 1888, t. 44).

Tóm lại, những phép cấu tạo chữ của chữ Nôm đã vượt qua khỏi phép Lục thư của chữ Hán đã nói lên sự cố gắng tạo chữ đặc thù khác với phương pháp dùng cho chữ Hán, mang một tinh thần dân tộc riêng chứ không nhất nhất đều phải rập theo khuôn khổ chữ Hán.

*tộc Việt Nam là một khối thống nhất. Chữ Nôm đã đóng vai trò quan trọng trong công việc truyền đạt tư tưởng và văn hóa”. Thử xem vua Quang Trung làm thế nào để kích động lòng yêu nước và vai trò của chữ Nôm trong công việc tác động tinh cảm của quân dân khi đối đầu với hàng vạn quân Thanh xâm lược. Năm 1788 sau khi được tin quân Thanh tiến sang chiếm*

cứ thành Thăng Long, Nguyễn Huệ liền lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, rồi tức tốc kéo quân ra Bắc. Trước thế mạnh của quân địch vua Quang Trung đã dùng chữ Nôm làm bài hịch kích động lòng yêu nước của tướng sĩ. Lời văn hùng hồn, truyền cảm gọi lên lòng chiến đấu bất khuất, dấy lên lòng căm thù, chí yêu nước, bảo vệ tổ quốc. Lời hịch như một tuyên ngôn độc lập của đất nước, ngài dụ tướng sĩ và dân chúng rằng: *“Đánh, cho để dài tóc! Đánh, cho để đen răng! Đánh, cho nó chiếc luân bất phản! Đánh, cho nó phiến giáp bất hoàn! Đánh, cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”* (13). Lời văn ngắn gọn, dễ hiểu, nhưng hùng hồn hàm chứa biết bao ý nghĩa, tác động lên tinh thần dân tộc rộng rãi vào lòng quân dân.

Riêng về văn học, có thể chia ra các thời kỳ phát triển chữ Nôm và nêu lên một vài tác phẩm tiêu biểu ra như sau:

- 1) Thời trước đời Ngô, Đinh là lúc mạnh nũa, rất ít chứng cứ chữ Nôm còn để lại.
- 2) Thời Lý, Trần là lúc chữ Nôm bắt đầu trưởng thành, đã được sử dụng trong văn học và đời sống. Chứng cứ xác đáng nhất chứng minh việc chữ Nôm ảnh hưởng rõ rệt vào đời sống là vết tích của tấm bia của vua Lý Cao Tông và ba bài phú chữ Nôm của vua Trần Nhân Tông “Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca”, “Cư trần lạc đạo phú” và “Vịnh Vân Yên Tự phú”.

### 3) Thời Hồ, Lê sơ.

Việc sử dụng chữ Nôm trong thời đại này được chú trọng nhiều hơn, đáng tiếc đời Hồ quá ngắn ngủi. Qua đời Lê sơ, chữ Nôm đã thừa hưởng những nỗ lực của người đi trước, nên đã bắt đầu phát triển mạnh, điển hình là Nguyễn Trãi với Quốc Âm Thi Tập. Sau đó vua Lê Thánh Tông với hội Tao Đàn, cũng đóng góp nhiều vào nền văn học Nôm. Sau nữa, còn có Nguyễn Bình Khiêm với “Bạch Vân Thi tập” v.v

### 4) Thời Lê Trung Hưng.

Đây là thời kỳ đen tối trong lịch sử Việt Nam, kéo dài sau khi đất nước bị chia đôi ngang sông Gianh vào năm 1672. Đàng ngoài do chúa Trịnh cai trị, đàng trong thì của chúa Nguyễn. Mặc dù đất nước bị chia đôi dưới hai thể chế chính trị khác nhau, nhưng chữ Nôm vẫn cứ phát triển và lưu hành trong dân gian của cả hai miền. Dù nhà Trịnh có khuynh hướng đè ép không cho chữ Nôm phát triển (6), nhưng trái lại tác phẩm văn học Nôm lại nhiều hơn trong miền đàng trong với chúa Nguyễn. Đàng trong chỉ có một vài tác phẩm tiêu biểu như Sãi Vãi của Nguyễn Cư Trinh, Tư Dung Văn của Đào Duy Từ, Song Tinh Bất Dạ của Nguyễn Hữu Hào v.v Trong khi dưới thời các chúa Trịnh, dù chữ Nôm bị phần nào bị cấm đoán, song tiêu biểu có nhiều tác phẩm nổi tiếng như

Chinh Phụ Ngâm do Đoàn Thị Điểm dịch, Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều, Hoa Tiên Ký của Nguyễn Huy Tụ.

5) Thời Tây Sơn và nhà Nguyễn

Sau khi Tây Sơn phá tan quân Thanh, Vua Quang Trung bắt đầu xây dựng đất nước thì cho dùng ngay chữ Nôm làm thứ chữ chính thức thay cho chữ Hán, nhưng đáng tiếc thay thời đại này quá ngắn ngủi. Về văn học, một số tác phẩm thường thấy như Hoài Nam Ký của Hoàng Quang, Dụ Am văn tập của Phan Huy Ích v.v. Ngoài ra còn thấy, chữ Nôm trong thời kỳ còn được dùng để viết gia phả, hương ước, địa bạ làng xã v.v. Những loại này vẫn còn được lưu giữ cẩn mật ở các vùng vua Quang Trung trú quân ở Huế, gần chùa Linh Mục trước khi ra Bắc đánh quân Thanh. Tới thời Nguyễn sau đời Tự Đức văn học Nôm được các nhà nghiên cứu xem như là thời đại hoàng kim của các tác phẩm văn học Nôm Việt Nam. Rất nhiều tác phẩm Nôm nổi tiếng thường thấy đều xuất hiện trong thời gian này như Kiều, Xuân Hương Thi Tập, Mai Đình Mộng Ký, Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Thánh chế Tự học Giải Nghĩa Ca, Chuyện Đời Xưa, Thanh Hóa Quan Phong, Nam Phong Giải Trào, Tây Hồ Cảnh Tịnh Phú, Việt Sử Tứ Tự Ca, Thiên Nam Ngũ Lục, Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, Nữ

Phạm Diễn Nghĩa Từ, Quan Âm Thị Kính, Thoại Khanh Châu Tuấn, Cai Vàng, Phan Trần, Lưu Bình Phú, Thạch Sanh Lý Thông v.v

Chữ Nôm và sự phát triển các tác phẩm Nôm biểu hiện rõ rệt sự lớn mạnh về ý thức tinh thần quốc gia dân tộc. Ý thức này không tùy thuộc vào sự biến đổi của vương triều vua chúa. Dù triều đại đổi thay nhưng nền văn học chữ Nôm vẫn lớn mạnh theo ý thức tinh thần quốc gia dân tộc. Từ Lê Trung Hưng cho đến thời Nguyễn, xã hội lâm vào tình trạng loạn ly triền miên, dân chúng sinh sống khổ cực, nhưng cũng chính trong thời gian này, hoàn cảnh loạn ly chính là môi trường thúc đẩy chữ Nôm phát triển mạnh mẽ. Chữ Nôm bước vào thời đại Tây Sơn và Nguyễn đã chính thức trở thành phương tiện truyền đạt ý tưởng và tình cảm của dân chúng. Tuy nhiên, hoặc là vì áp lực ngoại xâm từ phương Bắc, hoặc là do tầng lớp vua chúa thống trị với tinh thần Nho giáo hẹp hòi mà chữ Nôm phải trải qua nhiều lúc thăng trầm. Từ các giai đoạn phôi thai, hình thành và phát triển, chữ Nôm phải qua một thời gian rất dài trong lịch sử, đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ thời đại nhà Trần, gặp nhiều khó khăn mới bước vào thời đại hoàng kim ở thế kỷ 19. Trong khoảng thời gian này chữ Nôm chính là phương tiện cần thiết của các tầng lớp nhân dân trong xã hội ta. Dù sao chữ Nôm vẫn chỉ là một thứ chữ được lưu hành rộng rãi trong dân gian, chứ vẫn chưa được diễn chế để trở

thành chữ viết chính thức của quốc gia, ngoại trừ nỗ lực của vua Quang Trung, Hồ Quý Ly và vua Tự Đức. Chỉ tiếc rằng hai thời đại Hồ Quý Ly và Tây Sơn đều quá ngắn ngủi. Còn triều Nguyễn, từ sau đời Tự Đức thì phải đương đầu với ngoại xâm Pháp, nên việc xây dựng để sử dụng chữ Nôm trong các thời đại này không được thành công. Nhưng rõ ràng mỗi lần đương đầu với ngoại xâm thì sau đó chữ Nôm lại phát triển mạnh. Sau khi đánh đuổi được quân Minh thì nền văn học Nôm cũng lớn mạnh thêm lên, điển hình là Nguyễn Trãi với Quốc Âm Thi Tập. Sau khi nhà Thanh bị đánh bại, thì chữ Nôm lại được trọng dụng vào thời Tây Sơn. Trong thời gian dài không có ngoại xâm thì chữ Nôm là phương tiện truyền đạt tình cảm, và sinh hoạt làng xã. Với ý thức hệ “phép vua thua lệ làng” thì dù tầng lớp vua chúa có ép buộc chằng nữa, như chúa Trịnh đã có lần cấm đoán, thì chữ Nôm vẫn có môi trường bành trướng mạnh

mẽ. Điều này cho thấy các cố đạo phương Tây dùng chữ Nôm lúc khởi thủy để truyền đạo cũng là điều dễ hiểu, do vậy việc GS Hoàng Xuân Hãn phát hiện nhiều thư tịch chữ Nôm của cha đạo J. Maiorica trong thư viện quốc gia Pháp cũng không lấy gì làm lạ cả (1).

Ý thức quốc gia cũng thấy rõ rệt trong việc cải tiến chữ Nôm qua suốt thời kỳ từ Trần cho đến thời Nguyễn. Vào thời Trần và các thời đại về sau như Lê sơ, Mạc thì chữ Nôm vẫn còn dùng rất nhiều chữ giả tá, nghĩa là chữ Nôm mượn hình dáng chữ Hán có sẵn để ghi âm Nôm, nhưng đến thời sau này thì số lượng chữ giả tá giảm nhiều trong lúc loại chữ hình thanh, là loại chữ có một không hai của Việt Nam thì cứ tăng dần rõ rệt. Nguyễn Tá Nhí (11) đưa ra những thí dụ thống kê, Đào Duy Anh (8) cũng có những thống kê tương tự, chứng minh chữ Nôm phát triển theo chiều hướng đó.

## Tinh Thần dân tộc với việc chữ Nôm bị tàn lụi

Từ đầu thế kỷ thứ 20 cho đến 1945 là khoảng thời gian có tất cả 4 loại chữ được sử dụng ở Việt Nam: chữ Hán, chữ Nôm, chữ Pháp và chữ Việt La tinh (14).

Thời kỳ	Địa Vị	Tiếng Nói	Chữ Viết
111BC-939AD	Lệ thuộc Tàu	Tiếng Việt	Chữ Hán
939-1651	Lệ thuộc Tàu	Tiếng Việt	Chữ Hán, chữ Nôm
1651-1861	Lệ thuộc Tàu	Tiếng Việt	Chữ Hán, chữ Nôm, chữ Việt Latinh của giáo sĩ Thiên chúa giáo.
1861-1945	Lệ thuộc Pháp	Tiếng Việt, tiếng Pháp	Chữ Hán, chữ Nôm, chữ Việt Latinh của giáo sĩ Thiên chúa giáo, chữ Pháp
1945-	Độc lập	Tiếng Việt	Quốc Ngữ (Việt Latinh)

Sau khi Pháp đặt nền cai trị lên toàn lãnh thổ Việt Nam, họ đã diệt bỏ việc dùng chữ Hán và thay vào đó sử dụng chữ Pháp trong guồng máy chính quyền, bắt đầu tại Nam Kỳ. Dầu vậy, trong khoảng thời gian chữ Pháp đang còn phôi thai, trong dân gian có rất nhiều tác phẩm chữ Nôm được in ấn và phát hành, nhất là nhóm Duy Minh Thị, nhiều nhà xuất bản cũng xuất hiện như Liễu Văn Đường, Quảng Văn Đường, Bửu Hoa Các, Thiên Bảo Lâu, Tự Lâm Cục, Kim Ngọc Lâu... Tuy nhiên, sau 1945, khi chữ quốc ngữ trở thành chữ chính thức của nước Việt Nam thì chữ Nôm tàn lụi hẳn. Từ cuối thế kỷ 17 cho đến 1945, chữ Việt

Latinh, tuy lúc đầu là phương tiện truyền đạo Thiên chúa của các cố đạo song vì tính cách dễ học, dễ nhớ so với chữ Nôm khó học, khó nhớ nên dễ dàng được chấp nhận. Hơn nữa, trong quan niệm thông thường, đó không phải là chữ Pháp cũng không phải là chữ Hán, lại là phương tiện nhanh chóng để nâng cao dân trí, cho nên cũng phù hợp với tinh thần dân tộc.

Từ Nôm qua Quốc ngữ đã gây nên ngăn cách sự liên tục việc truyền đạt văn học Việt Nam. Chữ Quốc ngữ mới được truyền bá sau này, các tác phẩm văn học thuần túy Việt Nam đều được sáng tác và phổ biến bằng chữ Nôm. Do đó việc phiên dịch tác phẩm từ

Nôm ra quốc ngữ là một việc làm quan trọng và cấp bách. Dương Quảng Hàm (3) nói rằng “*Văn học sử Việt Nam chỉ được gọi là chân thực khi tất cả tài liệu Nôm được tìm ra manh mối và phiên dịch*”. May rằng qua đầu thế kỷ 21, với kỹ thuật máy tính mới, chữ Nôm và chữ quốc ngữ đều dần dà được đưa lên và hiển thị trên máy điện toán (15). Ngày nay đã có hơn 10,000 chữ Nôm đã được tổ chức Unicode Consortium (16) cho mã chữ. Một bước tiến đột phá trong việc xử lý chữ Nôm trên máy điện toán cũng như trên mạng Internet là việc ra đời của hai bộ true type fonts Hán Nôm A và Hán Nôm B để hiển thị chữ Nôm mã Unicode dùng với WIN-2000, WIN-XP và Office XP hoặc Office 2003 do Chân Nguyên Đỗ Quốc Bảo (Germany), Tô Minh Tâm (USA) và Ni sinh Thiên Viện Viên Chiếu (Việt Nam) thực hiện. Kết hợp với hai bộ fonts này, một bàn gõ chữ Hán/Nôm có thể gõ nhập 23,000 âm/chữ Hán Việt và hơn 20,000 âm/chữ Nôm vào thẳng Microsoft Word, do Trần Uyên Thi (USA) và Alexandre Lê (France) thực hiện. Đồng thời, cuốn “Tự điển Chữ Nôm Trích Dẫn” online đầu tiên

xuất hiện, thu thập hơn 5500 âm đọc chữ Nôm, có nhiều chi tiết cần thiết cho mỗi chữ và hơn 25,000 câu trích dẫn có xuất xứ đầy đủ, rõ ràng và chính xác, do Ban Biên Tập gồm nhiều người cư ngụ tại nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện. Ba công cụ trên đã làm cho việc sử dụng chữ Nôm trong máy điện toán và Internet đã trở thành thực tế, dễ dàng, tiện lợi và nhanh chóng (18). Với những công cụ tương tự, việc phiên dịch tác phẩm và bảo tồn nền văn hóa Nôm sẽ có cơ hội phát triển nhanh chóng trong tương lai. Đây là môi trường thích hợp và là cơ hội cho những ai có lòng quan tâm đến nền văn hóa nước nhà đang dần dà bị vùi lấp. Hàng ngàn tác phẩm chữ Nôm đủ các loại Truyện, Ngâm Khúc, Diễn Ca, Diễn Truyện, Thần Tích, Ngọc Phả, Thần Sắc, Điều Ước, Tục Lệ, Địa Bạ, Gia Phả...nằm trong các thư viện trên khắp thế giới, cũng như được cất giữ trong dân gian, đang chờ đợi người có tâm huyết làm công việc phát huy và bảo tồn nền văn học cổ chữ Nôm này của chúng ta.

## Tham Khảo:

1. *Chữ Nôm or the former Vietnamese script and its past contributions to Vietnamese literature*, Nguyen Khac Kham, Area and Culture Series, volumn 24, Tokyo university, Japan.
2. *Graphic borrowings from Chinese-The case of chu Nom-Vietnam's demotic script*, Nguyễn Đình-Hoà, Bulletin of the Institute of History and Philosophy, Volume 61, Part 2 (june 1990), Date Published: March, 1992.
3. *Chữ Nôm và công việc khảo cứu cổ văn Việt Nam*, Dương Quảng Hàm, Lê Văn Đặng dịch từ “Le Chu Nom ou écriture démotique, son importance dans l'étude de l'ancienne Annamite”, Bulletin général de l'Instruction publique, No. 7.
4. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Ngô Đức Thọ dịch và Chú Thích, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998.
5. *The formation of Chu Nom and Its Relation to Chinese Characters*, 論字喃 (chu Nom) 之組織及其與漢字之關係. 聞宥, 燕京學報, 第十四期. Yen Ching journal of Chinese Studies 14 (December).
6. *Hình Thái và Niên Đại Sáng Chế Chữ Nôm* 喃字之形態與產生之年代, 陳荆和, 人文科學論叢. Taipei, Taiwan, 1949.
7. *Ưu điểm và Khuyết điểm của chữ Nôm*, Bửu Cầm, Khảo Cổ Tập San 1, Sài Gòn, 1960.
8. *Chữ Nôm: Nguồn Gốc, cấu tạo và Diễn Biến*, Đào Duy Anh, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1975.
9. *Những Địa Tầng Ngôn Ngữ trong lịch Sử tiếng Việt*, Nguyễn Ngọc Bích.
10. *Một Số Vấn Đề Chữ Nôm*, Nguyễn Tài Cẩn, Nhà Xuất Bản Đại Học, Hà Nội, 1985.
11. *Các Phương Thức Biểu Âm trong cấu trúc Chữ Nôm Việt*, Nguyễn Tá Nhí, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998.
12. *Nguồn Gốc và Quá Trình Hình Thành Cách Đọc Hán Việt*, Nguyễn Tài Cẩn, Hà Nội, 1979.
13. *Lược Khảo Vấn Đề Chữ Nôm*, Trần Văn Giáp, Lê Văn Đặng thực hiện văn bản, Ngày Nay Publishing, USA, 2003.
14. *Colonialism and Language Policy in Viet Nam*, De Francis, J. 1977.
15. <http://www.unicode.org/>
16. *Chữ Nôm trên đường hội nhập với khu vực và thế giới*, Nguyễn Quang Hồng, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2002.
17. *The independence Spirit of Vietnam in the 7<sup>th</sup> to 14<sup>th</sup> centuries* 七至十四世紀越南國家意識的形成, 耿慧玲 Keng Hui Ling, Bulletin of Chinese studies, Chao Yang University, Taiwan, 2003.
18. <http://www.viethoc.org/index.php>